UBND THỊ XÃ NGÃ NĂM
**TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-MNP3

*Phường 3, ngày tháng năm*

# KẾ HOẠCH

## Hoạt động Y tế học đường

## Năm học: 2024 – 2025

## I. TÌNH HÌNH CHUNG

### 1. Đặc điểm chung của nhà trường

Trường Mầm non Phường 3 hiện tại có 3 điểm dạy học (điểm chính tại khóm Vĩnh Mỹ, điểm 2 tại khóm Vĩnh Sử, điểm 3 tại khóm Vĩnh Trung).

### 2. Tình hình sức khỏe học sinh trong nhà trường

Tổng số trẻ: 278

Trẻ bình thường: 255 trẻ; Tỷ lệ: 91,7%

Trẻ cân nặng cao hơn so với tuổi: 6 trẻ; Tỷ lệ: 2,2%

Trẻ Suy dinh dưỡng: 11 trẻ; Tỷ lệ: 4%

Trẻ béo phì: 6 trẻ; Tỷ lệ: 2,2%

Điều trị tạm thời: 0

Trẻ mắc các loại bệnh:

- Bệnh bẩm sinh: 0
- Khuyết tật: 0
- Khiếm thính: 0
- Tim mạch: 0
- Hô hấp: 0
- Bệnh răng miệng: 0
- Các bệnh xã hội: 0
- Cong vẹo cột sống: 0
- Bệnh về mắt: 0

- Bệnh viêm da sừng bàn tay: 0

**3. Tình hình hoạt động Y tế trong nhà trường**

Ngay từ đầu năm học nhân viên Y tế Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động kịp thời trên cơ sở kế hoạch của Nhà trường đã đề ra và thực hiện kế hoạch theo tháng, tuần có tính khả thi.

Tổ chức, quản lý, triển khai các nhiệm vụ thuộc chương trình Y tế trường học theo sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo và của chương trình yêu cầu.

Có sự chỉ đạo chặt chẽ và cụ thể của Phòng Giáo dục và Đào tạo, của Trung tâm Y tế thị xã Ngã Năm, sự quan tâm và phối hợp của Trạm Y tế phường 3 và sự chỉ đạo sát sao của Cán bộ quản lý Nhà trường về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công tác Y tế học đường năm học 2024-2025.

Được sự giúp đỡ và phối hợp chặt chẽ của cán bộ, giáo viên trong trường trong việc tuyên truyền giáo dục sức khỏe tới phụ huynh và học sinh. Kết hợp tốt trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

**4. Những thuận lợi, khó khăn, tồn tại và vấn đề ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe**

**a/ Thuận lợi:**

Được lãnh đạo Nhà trường và địa phương quan tâm đến công tác Y tế trường học, Bảo hiểm tai nạn học sinh.

Phòng Y tế riêng đảm bảo diện tích 16m$^2$ và được bố trí ở vị trí thuận lợi và thoáng mát, có tủ thuốc và trang thiết bị tương đối đầy đủ.

**b/ Khó khăn:**

Do đời sống của nhân dân còn khó khăn nên chưa quan tâm đúng mức về sức khỏe, chế độ dinh dưỡng của con em.

Một số ít phụ huynh chưa quan tâm đến việc khám sức khỏe định kì cho con mình.

Một số học sinh do điều kiện kinh tế còn khó khăn nên không tham gia Bảo hiểm tai nạn.

Một số phụ huynh chưa hiểu rõ về nghĩa vụ và quyền lợi khi tham gia Bảo hiểm tai nạn nên còn nhiều bất cập, khó khăn trong công tác vận động.

Điểm trường Vĩnh Sử, Vĩnh Trung thời gian trực của nhân viên Y tế trường hạn chế nên việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh chưa tốt.

**c/ Tồn tại:**

Hầu hết các cháu là con em nông thôn nên các gia đình còn ít quan tâm đến tình hình học tập cũng như sức khỏe của các cháu.

Sự phối hợp chăm sóc sức khỏe ban đầu giữa gia đình và Nhà trường còn gặp nhiều khó khăn.

Các cháu còn nhỏ, tầm nhận thức chưa cao nên việc truyền thông giáo dục sức khỏe gặp nhiều khó khăn.

**d/ Vấn đề ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe:**

Ưu tiên về vệ sinh.

Ưu tiên về phòng bệnh.

Ưu tiên về chăm sóc sức khỏe.

## II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

### 1. Mục tiêu chung

Xây dựng kế hoạch hoạt động, biện pháp phòng chống các dịch bệnh thường xảy ra trong trường học.

Tổ chức tuyên truyền giáo dục về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, và giáo dục giới tính, kỹ năng sống cho học sinh.

Kiểm tra sức khỏe học sinh định kỳ 2 lần/năm học, quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh.

Sơ cứu, cấp cứu ban đầu, chăm sóc sức khỏe ban đầu theo qui định của Bộ Y tế.

Phát hiện và phòng ngừa bệnh học đường ở lứa tuổi học sinh như: Cận thị, Vẹo cột sống, bệnh Truyền nhiễm: Dại, Xốt xuất huyết, Quai ị, Sởi, cúm, Viêm não nhật bản, Tiêu chảy cấp, bệnh Tả, hội chứng Lỵ, Tay chân miệng, Đau mắt đỏ,…

Phòng chống Tai nạn thương tích, đuối nước.

Kiểm tra vệ sinh môi trường: nhà vệ sinh, rác thải, hệ thống cống thoát nước thải, vệ sinh các phòng học: chiếu sáng, bảng, bàn ghế, vệ sinh An toàn thực phẩm.

Vận động học sinh tham gia bảo hiểm tai nạn.

**2. Các mục tiêu cụ thể**

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho học sinh. Phát hiện sớm và điều trị kịp thời các bệnh thường gặp cho trẻ.

Thực hiện việc giám sát và phát hiện sớm dịch bệnh đặc biệt là dịch bệnh theo mùa trong trường học để xử lý kịp thời, triệt để. Kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo vệ sinh An toàn thực phẩm không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong trường học.

**3. Các chỉ tiêu**

100% Trẻ được cân đo và chấm biểu đồ tăng trưởng: hàng tháng đối với trẻ dưới 24 tháng và hàng quý đối với trẻ trên 24 tháng.

100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm học

Giảm tỷ lệ Suy dinh dưỡng từ 1-2% so với đầu năm học, khống chế tỷ lệ Thừa cân, Béo phì.

Giảm tỷ lệ mắc mới các bệnh tật học đường của trẻ; không để dịch bệnh xảy ra trong trường học.

Phối hợp với trạm Y tế huy động trẻ trong diện tiêm chủng được tiêm chủng vacxin phòng bệnh và uống Vitamin A theo chương trình tiêm chủng mở rộng.

100% nhân viên Cấp dưỡng có giấy khám sức khỏe, có đầy đủ đồ dùng bảo hộ.

Có đầy đủ hợp đồng cung cấp thực phẩm, hợp đồng nước sạch.

2/2 bếp ăn đảm bảo quy trình bếp 1 chiều.

Có đẩy đủ thực đơn theo tháng và thay đổi thực đơn theo mùa .

Có đầy đủ hồ sơ bếp ăn bán trú theo quy định.

Sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý dinh dưỡng .

100% nhóm lớp có đủ nệm ngủ, chăn gối, đảm bảo điều kiện ngủ ấm về mùa mưa, mát về mùa nắng.

## III. CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

### 1. Công tác quản lý sức khỏe học sinh

Xây dựng kế hoạch phối hợp với Trạm Y tế và thực hiện tốt công tác khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học cho trẻ (lần 1: tháng 10/2024, lần 2: tháng 4/ 2025).

Có đầy đủ hồ sơ, sổ sách ghi chú tình hình sức khỏe của từng trẻ, mỗi trẻ có 1 sổ sức khỏe và 1 biểu đồ riêng. Thực hiện việc đánh giá phân loại sức khoẻ sau mỗi đợt khám sức khoẻ, phát hiện kịp thời về tình hình bệnh tật của trẻ và thông báo kịp thời đến phụ huynh trẻ để có biện pháp xử lý.

Phối hợp với trạm thực hiện tốt các chương trình của trạm diễn ra tại trường như uống Vitamin A...

Đo chiều cao, cân nặng, ghi biểu đồ tăng trưởng, theo dõi sự phát triển thể lực cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi mỗi tháng một lần, trẻ em trên 24 tháng tuổi mỗi quý một lần, uống văcxin phòng bệnh.

Thực hiên sơ cấp cứu, chăm sóc sức khỏe ban đầu theo quy định. Chuyển trẻ bị tai nạn và ốm đau đột xuất đến cơ sở Y tế trong trường hợp cần thiết.

Hướng dẫn giáo viên thực hiện việc giáo dục vệ sinh cá nhân cho trẻ và thực hiện vệ sinh cá nhân cô. Tất cả các điểm trường, các nhóm lớp phải thực hiện tốt việc vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, tổng vệ sinh môi trường, tất cả các nhà vệ sinh phải thường xuyên lau chùi sạch sẽ, không có mùi hôi, có đủ đồ dùng vệ sinh.

Bổ sung các loại thuốc ở tủ thuốc tại 3 điểm, thường xuyên cập nhật tình hình sử dụng thuốc và bổ sung kịp thời vào các thời điểm trong năm học.

Thường xuyên thăm lớp, nắm bắt tình hình trẻ ở điểm Vĩnh Sử, điểm Vĩnh Trung, xử lý kịp thời các trường hợp khẩn cấp liên quan đến sức khỏe của trẻ.

**2. Công tác sơ cấp cứu ban đầu tại trường**

Thường xuyên kiểm tra vệ sinh trường lớp, giữ gìn môi trường sạch sẽ, thoáng mát.

Hàng ngày Y tế đi kiểm tra nhắc nhở, đôn đốc việc thực hiện các quy định về vệ sinh Y tế trường học, vệ sinh bếp ăn bán trú đảm bảo vệ sinh An toàn thực phẩm.

**3. Công tác phòng, chống dịch bệnh, bệnh học đường**

Chủ động xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh và phối hợp các cơ quan chức năng để thực hiện.

Phối hợp với trạm Y tế, ban ngành địa phương để triển khai các biện pháp phòng chống dịch Sốt xuất huyết, dịch Đau mắt đỏ và bệnh Tay, chân, miệng, bệnh Sởi, Rubella, bệnh Dại đến với cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường và cha, mẹ trẻ; khi có dịch xảy ra: khử trùng bằng cloramin B, dọn vệ sinh, diệt muỗi, bọ gậy theo đợt phát động và theo lịch vệ sinh của Nhà trường.

Giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, thông tin báo cáo kịp thời khi có dấu hiệu dịch bệnh xảy ra với các cơ quan chức năng.

Tổ chức tuyên truyền đến tận phụ huynh, giáo viên và các học sinh về phòng chống dịch Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, Thủy đậu, Sởi và dịch đau mắt đỏ, bệnh Dại.

**4. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe**

Thường xuyên trao đổi giáo viên và phụ huynh trong giờ đón, trả trẻ, họp chuyên môn, các cuộc họp phụ huynh để tuyên truyền về các bệnh Đau mắt đỏ, dịch Sốt xuất huyết,...và phòng chống Tai nạn thương tích cho trẻ.

Tham mưu với Nhà trường xây dựng góc tuyên truyền ở các nhóm lớp, có bài viết và hình ảnh minh họa để phụ huynh tham khảo vào giờ đón trả trẻ. Thường xuyên đăng tải các nội dung kiến thức chăm sóc và các chế độ dinh dưỡng cho trẻ lên các trang thông tin của nhà trường như Website, facebook, zalo...

Xây dựng góc tuyên truyền, giáo dục, tư vấn sức khỏe cho học sinh tại phòng Y tế của Nhà trường.

**5. Công tác nước sạch – vệ sinh môi trường**

Bảo đảm đủ nước ăn uống, nước sinh hoạt cho học sinh theo đúng quy định.

Công trình vệ sinh: bảo đảm hợp vệ sinh, nhà tiêu theo quy chuẩn.

Có chỗ rửa tay với nước sạch, xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn khác đảm bảo vệ sinh phòng dịch.

Thu gom và xử lý chất thải.

Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp.

Xử lý rác thải hợp vệ sinh.

**6. Thực hiện các chương trình Y tế trong trường học.**

Thực hiện kịp thời các công văn, chỉ đạo của ngành: tập huấn để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

**7. Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất**

Đảm bảo có nhân viên Y tế trường học.

Đảm bảo có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe học sinh tại trường.

**8. Đảm bảo dinh dưỡng hợp lý, an toàn thực phẩm, tổ chức bữa ăn học đường.**

Tham mưu với Ban giám hiệu Nhà trường làm hợp đồng cung ứng thực phẩm, cung ứng nước ngay từ đầu năm học, nhân viên cung ứng thực phẩm và nhân viên Cấp dưỡng phải có giấy khám sức khỏe của cơ sở Y tế đảm bảo đủ điều kiện cung cấp thực phẩm và chế biến thực phẩm cho Nhà trường.

Thực hiện nghiêm túc kiểm tra 3 bước trong quy trình chế biến món ăn, lưu trữ hồ sơ đầy đủ, đảm bảo không có trường hợp Ngộ độc thực phẩm xảy ra.

Tuyên truyền về vệ sinh An toàn thực phẩm với cán bộ, giáo viên, nhân viên qua các buổi họp hội đồng sư phạm, về thực hiện các qui định vệ sinh An toàn thực phẩm, giữ gìn vệ sinh môi trường, phòng chống các dịch bệnh xảy ra.

Nhân viên Cấp dưỡng, Y tế trường học tham gia học lớp bồi dưỡng công tác vệ sinh An toàn thực phẩm và được khám sức khoẻ định kỳ.

Duy trì bếp ăn theo đúng quy trình bếp ăn một chiều. Đồ dùng trong bếp đảm bảo ngăn nắp, gọn gàng. Dụng cụ chế biến đảm bảo sống, chín riêng biệt. Thực hiện nghiêm túc 10 nguyên tắc vàng và thực hiện bếp 5 tốt trong chế biến món ăn.

Trong quá trình chế biến và phân chia thức ăn Cấp dưỡng mang khẩu trang, tạp dề, móng tay được cắt ngắn sạch sẽ.

Các dụng cụ chế biến, đồ dùng của trẻ phải được vệ sinh, trụng nước sôi trước giờ cho ăn.

Nhập phần mềm dinh dưỡng, tính khẩu phần ăn hợp lý đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ.

Thường xuyên thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra nội bộ về tổ chức bữa ăn, giấc ngủ, đảm bảo trẻ ăn ngon, đủ suất, ngủ và dậy đúng giờ. Kịp thời tham mưu bổ sung cơ sở vật chất phục vụ công tác bán trú đảm bảo chất lượng.

**IV. NGUỒN LỰC CHỦ YẾU (dự kiến)**

Nguồn kinh phí hoạt động được trích từ nguồn chăm sóc sức ban đầu cho học sinh.

* Tổng cộng bốn nguồn: 8.661.000đ (Viết bằng chữ): Tám triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng.

**V. BẢNG DỰ TRÙ**

| TT | Tên dụng cụ, vật tư Y tế, Thuốc | Đơn vị tính | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Các hoạt động Y tế** | | | | |
| 1 | Chi khám sức khỏe định kỳ cho trẻ | Trẻ | 3.000 | 556 | 1.668.000 |
| 2 | Các hoạt động học tập, bồi dưỡng, tuyên truyền (in tờ rơi, áp phích)… | | | | 2.706.000 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | **TỔNG CỘNG:** | | | | **4.374.000** |
| **II** | **Văn phòng phẩm, dụng cụ phòng Y tế** | | | | |
| 1 | Chổi bông cỏ | Cây | 28.000 | 1 | 28.000 |
| 2 | Thùng đựng rác trung có nắp | Cái | 60.000 | 1 | 60.000 |
| 3 | Keo đóng bìa | Cuồn | 13.000 | 1 | 13.000 |
| 4 | Keo trong | Cuồn | 15.000 | 2 | 30.000 |
| 5 | Sơmi nút | Cái | 4.000 | 11 | 44.000 |
| 6 | Sơmi dây | Cái | 12.000 | 1 | 12.000 |
| 7 | Bút bi | Cây | 3.000 | 2 | 6.000 |
| 8 | Giấy A4 | Gram | 70.000 | 2 | 140.000 |
| 9 | Photo | | | | 80.000 |
| | **TỔNG CỘNG:** | | | | **413.000** |
| **III** | **Vật tư Y tế tiêu hao** | | | | |
| 1 | Găng tay Y tế có bột | Hộp | 75.000 | 3 | 225.000 |
| 2 | Pin cân điện tử | Cục | 30.000 | 1 | 30.000 |
| 3 | Nước muối Natri Clorid 0.9%  500ml | Chai | 11.000 | 3 | 33.000 |
| 4 | Lifebuoy rửa tay 180g | Chai | 35.000 | 11 | 385.000 |
| 5 | Que đè lưỡi | Hộp | 35.000 | 1 | 35.000 |
| 6 | Băng keo lụa Urgo | Cuộn | 21.000 | 3 | 63.000 |
| 7 | Nước Oxy già 3% Hdpharma | Lọ | 3.000 | 3 | 9.000 |
| 8 | Xịt muỗi | Chai | 50.000 | 11 | 550.000 |
| 9 | Povidine 10% 20ml | Chai | 7.000 | 3 | 21.000 |
| 10 | Gạc Y tế | Bịch | 14.000 | 3 | 42.000 |
| 11 | Bông gòn viên100g | Gói | 27.000 | 1 | 27.000 |
| 12 | Bông gòn sợi dài 100g | Bịch | 18.000 | 3 | 54.000 |
| 13 | Dầu xoa Khuynh diệp OPC | Chai | 66.000 | 3 | 198.000 |
| 14 | Khẩu trang Y tế người lớn | Hộp | 35.000 | 1 | 35.000 |
| 15 | Khẩu trang Y tế trẻ em | Hộp | 38.000 | 1 | 38.000 |
| 16 | Băng cá nhân Urgo | Hộp | 26.000 | 3 | 78.000 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 17 | Miếng dán hạ sốt Sakura | Bịch | 12.500 | 2 | 25.000 |
| 18 | Gạc Povidine iodine 10% | Hộp | 74.000 | 1 | 74.000 |
| 19 | Băng cuộn Y tế | Cuộn | 3.000 | 1 | 3.000 |
| 20 | Băng thun Y tế 3 móc | Cuộn | 16.000 | 1 | 16.000 |
| 21 | Tăm bông trẻ em | Hủ | 35.000 | 1 | 35.000 |
| 22 | Cồn 90 độ HDPharma 50ml | Lọ | 5.000 | 1 | 5.000 |
| | **TỔNG CỘNG:** | | | | **1.981.000** |
| **IV.** | **Thuốc** | | | | |
| | Vitamin C | Viên | 500 | 33 | 16.500 |
| | Bé nóng | Viên | 300 | 40 | 12.000 |
| | BABEMOL | Gói | 1.200 | 40 | 48.000 |
| | PANALGANEFFER 150MG | Gói | 2.000 | 40 | 80.000 |
| | Falgankid 250 | Ống | 2.000 | 40 | 80.000 |
| | Acepron | Gói | 2.000 | 40 | 80.000 |
| | Panactol 325mg | Viên | 400 | 40 | 16.000 |
| | Enterogan | Gói | 3.000 | 4 | 12.000 |
| | Mitux E 100mg | Gói | 1.700 | 40 | 68.000 |
| | Acecyst | Viên | 1.000 | 12 | 12.000 |
| | Thelizin | Viên | 1.000 | 40 | 40.000 |
| | Bromhexine A.t | Ống | 5.000 | 12 | 60.000 |
| | Thuốc ho P/H | Chai | 30.000 | 40 | 1.200.000 |
| | HOASTEX | Chai | 40.000 | 4 | 160.000 |
| | BỔ TỲ TW | Ống | 8.500 | 1 | 8.500 |
| | **TỔNG CỘNG:** | | | | **1.893.000** |

## VII. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

### 1. Đối với Nhà trường

Sửa chữa, thay thế, khắc phục về các điều kiện phòng học, bàn ghế, vệ sinh môi trường, An toàn thực phẩm, trang thiết bị phòng Y tế, bếp ăn, nhà vệ sinh không đảm bảo theo quy định.

Lồng ghép các nội dung giáo dục sức khỏe, phòng chống các bệnh tật về mắt trong các giờ học.

### 2. Đối với Trạm Y tế Phường, Trung Tâm Y tế và Phòng Giáo Dục thị xã

Có thông tin kịp thời phát hiện sớm các bệnh lây truyền tại trường học, có phương án đối phó để dịch không xảy ra.

Hỗ trợ phun thuốc phòng bệnh đầu năm học, tờ rơi, băng gol tuyên truyền phòng bệnh, xà phòng rửa tay.

Có các chương trình tập huấn, giao lưu với các trường bạn để học hỏi bổ sung kiến thức.

Trên đây là kế hoạch hoạt động Y tế học đường năm học 2024–2025 của Trường Mầm non Phường 3.

**NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH** **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**
- CBQL, CB-GV-NV;
- Lưu: YT.

**Phạm Bảo Thư** **Hà Thị Bích Châm**